

SỰ PHÂN HÓA THEO GIỚI TÍNH VÀ NHÓM TUỔI TRONG NHU CẦU HỖ TRỢ CÔNG TÁC XÃ HỘI CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI CỘNG ĐỒNG

Lê Thị Thu Phương¹, Nguyễn Thành Trí², Nguyễn Trần Cẩm Tú³, Hoàng Bào Trường¹

¹ Khoa CTXH, Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam

² Trường Đại học Sư phạm TP. HCM

³ Học viện cao học, Học viện Phụ nữ Việt Nam

Tóm tắt: Già hóa dân số nhanh chóng tại Việt Nam đòi hỏi các tiếp cận nhạy cảm giới và phân tầng độ tuổi trong an sinh xã hội. Nghiên cứu cắt ngang này phân tích sự phân hóa nhu cầu hỗ trợ công tác xã hội (CTXH) và nâng đỡ tinh thần của người cao tuổi (NCT) sống tại cộng đồng theo yếu tố giới tính và lứa tuổi. Khảo sát được thực hiện trên $N = 141$ NCT bằng phương pháp lấy mẫu phi xác suất thuận tiện. Dữ liệu xử lý bằng SPSS qua kiểm định t -test độc lập. Kết quả cho thấy nữ giới có nhu cầu hỗ trợ tâm lý - an sinh chung ($Mean = 4,72/5$) cao hơn hẳn nam giới ($Mean = 4,46/5$) với $p = 0,046$. Đáng chú ý, nhu cầu tham vấn tâm lý chuyên sâu tăng vọt ở nhóm Trung và Đại lão từ 71 tuổi trở lên ($Mean = 4,86/5$) so với nhóm Sơ lão từ 60 - 70 tuổi ($Mean = 4,50/5$; $p = 0,039$). Ngược lại, nhóm Sơ lão ưu tiên nhu cầu giao lưu, giải trí cộng đồng ($Mean = 4,68/5$). Nghiên cứu bác bỏ quan điểm coi NCT là một khối đồng nhất, đồng thời đề xuất phát triển dịch vụ CTXH nhạy cảm giới và phân tầng theo độ tuổi tại cộng đồng.

Từ khóa: Giới tính; Nhóm tuổi; Công tác xã hội người cao tuổi; Nhu cầu hỗ trợ tâm lý; Người cao tuổi sống tại cộng đồng.

GENDER AND AGE DIFFERENCES IN SOCIAL WORK SUPPORT NEEDS AMONG COMMUNITY-DWELLING OLDER ADULTS

Abstract: Rapid population aging in Vietnam calls for gender-sensitive and age-differentiated approaches to social welfare and community social work. This cross-sectional study examined gender and age differences in social work and psychological support needs among community-dwelling older adults. A convenience sample of 141 older adults was surveyed, and the data were analyzed using SPSS and independent-samples t -tests. The findings showed that older women reported significantly higher overall support needs ($M = 4.72/5$) than older men ($M = 4.46/5$; $p = .046$). Notably, the need for psychological counseling was significantly higher among participants aged 71 years and above ($M = 4.86/5$) than among those aged 60–70 years ($M = 4.50/5$; $p = .039$). In contrast, participants aged 60–70 years reported a higher mean level of need for social and recreational activities ($M = 4.68/5$), although the between-group difference was not statistically significant. These findings highlight the heterogeneity of support needs among community-dwelling older adults and suggest the importance of developing gender-sensitive and age-responsive social work services.

Keywords: Gender differences; Age groups; Gerontological social work; Psychological support needs; Community-dwelling elderly.

Nhận bài: 14/09/2026

Phản biện: 14/10/2026

Duyệt đăng: 18/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn “già hóa dân số” từ năm 2011 và hiện thuộc nhóm quốc gia có tốc độ già hóa nhanh (Nguyễn Thị Liên, 2023). Tỷ trọng người từ 60 tuổi trở lên tăng từ 11,9% năm 2019 lên 12,8% năm 2021 và được dự báo tiếp tục gia tăng trong những thập niên tới (Tổng cục Thống kê, 2021). Sự chuyển dịch nhân khẩu học này tạo áp lực đáng kể lên hệ thống an sinh xã hội trong bối cảnh nhiều NCT không có lương hưu hoặc trợ cấp thường xuyên, đồng thời vai trò nâng đỡ của gia đình có xu hướng suy giảm. Điều đó làm gia tăng nhu cầu hỗ trợ CTXH tại cộng đồng.

Nhu cầu hỗ trợ CTXH của NCT không đồng nhất mà có sự khác biệt theo giới tính. Tiến trình già hóa gắn với hiện tượng “nữ hóa dân số cao tuổi”, trong đó phụ nữ cao tuổi có nguy cơ tổn thương cao hơn do tỷ lệ góa chồng lớn, lịch sử

lao động phi chính thức và hạn chế trong tiếp cận lương hưu (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2012; Tổng cục Thống kê, 2021). Những yếu tố này có thể làm gia tăng nhu cầu được hỗ trợ về tâm lý và an sinh. Trong khi đó, nam giới cao tuổi có thể gặp khó khăn trong thích ứng sau nghỉ hưu và ít bộc lộ nhu cầu trợ giúp cảm xúc.

Bên cạnh giới tính, nhóm tuổi cũng góp phần định hình nhu cầu trợ giúp. Ở nhóm Sơ lão (60–70 tuổi), nhiều NCT còn duy trì thể lực và vai trò xã hội, vì vậy nhu cầu thường tập trung vào giao lưu tinh thần và duy trì sự tham gia cộng đồng. Ngược lại, ở nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi), sự suy giảm chức năng sinh hoạt và gánh nặng bệnh mạn tính có xu hướng gia tăng, kéo theo nhu cầu tham vấn tâm lý và hỗ trợ chuyên sâu tại cộng đồng (Bộ Y tế & UNFPA, 2019).

Mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách dành cho NCT, việc tổ chức dịch vụ vẫn chủ yếu dựa trên các tiêu chí hành chính và chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về giới tính và nhóm tuổi. Từ khoảng trống này, nghiên cứu tiến hành khảo sát 141 NCT nhằm phân tích sự khác biệt trong nhu cầu hỗ trợ CTXH tại cộng đồng theo hai yếu tố trên. Hai giả thuyết được đặt ra gồm: (1) nữ giới có nhu cầu hỗ trợ tâm lý – an sinh cao hơn nam giới; và (2) nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi) có nhu cầu tham vấn tâm lý cao hơn nhóm Sơ lão (60–70 tuổi).

II. KHUNG LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khung lý thuyết áp dụng

Thuyết giới và xã hội hóa giới

Thuyết xã hội hóa giới cho rằng vai trò và hành vi của nam và nữ được hình thành thông qua quá trình tiếp nhận các chuẩn mực văn hóa và xã hội (West & Zimmerman, 1987). Trong bối cảnh Việt Nam, phụ nữ cao tuổi thường chịu ảnh hưởng của phân công lao động truyền thống, có tỷ lệ tham gia khu vực phi chính thức và công việc nội trợ cao, từ đó hạn chế khả năng tiếp cận lương hưu và bảo hiểm xã hội. Sự suy giảm tự chủ tài chính cùng với nguy cơ góa bụa làm gia tăng mức độ tổn thương về an sinh và tâm lý.

Quá trình xã hội hóa giới cũng ảnh hưởng đến cách NCT bộc lộ và tìm kiếm sự trợ giúp. Phụ nữ có xu hướng cởi mở hơn trong việc chia sẻ cảm xúc, trong khi nam giới thường chịu ảnh hưởng của hình mẫu “trụ cột” và ít bộc lộ nhu cầu trợ giúp tâm lý (Oakley, 2016). Vì vậy, thuyết giới cung cấp cơ sở để lý giải sự khác biệt về nhu cầu hỗ trợ tâm lý – an sinh giữa nam và nữ NCT.

Thuyết phát triển vòng đời

Thuyết phát triển vòng đời xem con người qua các giai đoạn chuyển tiếp, trong đó sự thay đổi về thể chất, tâm lý và vai trò xã hội tạo ra những nhu cầu khác nhau theo độ tuổi (Elder, 1998; Erikson, 1993). Ở nhóm Sơ lão (60–70 tuổi), việc rời khỏi thị trường lao động có thể làm suy giảm vai trò và tương tác xã hội, trong khi thể lực còn tương đối tốt. Vì vậy, nhu cầu chủ yếu tập trung vào duy trì giao lưu, tham gia cộng đồng và khẳng định giá trị bản thân.

Ở nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi), sự suy giảm chức năng vận động, gánh nặng bệnh mạn tính và nguy cơ mất mát các mối quan hệ thân thiết có xu hướng gia tăng. Những thay đổi này làm thu hẹp không gian sinh hoạt và tăng nhu cầu

được chia sẻ, tham vấn tâm lý và hỗ trợ chuyên sâu. Do đó, thuyết phát triển vòng đời giúp lý giải sự khác biệt về nhu cầu CTXH giữa nhóm Sơ lão và nhóm Trung và Đại lão.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang với phương pháp định lượng nhằm phân tích sự khác biệt về nhu cầu hỗ trợ CTXH và tâm lý theo giới tính và nhóm tuổi. Mẫu nghiên cứu gồm 141 NCT từ 60 tuổi trở lên sống tại cộng đồng, được lựa chọn bằng phương pháp lấy mẫu phi xác suất thuận tiện.

Hai biến độc lập gồm giới tính (nam, nữ) và nhóm tuổi, được phân thành nhóm Sơ lão (60–70 tuổi) và nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi). Biến phụ thuộc là nhu cầu hỗ trợ CTXH và tâm lý, thể hiện qua nhu cầu được chia sẻ, hỗ trợ khi cô đơn, lo âu và tham gia các hoạt động tinh thần. Các chỉ báo được đo bằng thang Likert 5 điểm, từ 1 (hoàn toàn không có nhu cầu) đến 5 (nhu cầu rất cao).

Dữ liệu sau khi làm sạch được phân tích bằng SPSS. Thống kê mô tả gồm tần suất, tỷ lệ, điểm trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) được sử dụng để mô tả mẫu và mức độ nhu cầu. Kiểm định t độc lập được áp dụng để so sánh nhu cầu giữa nam và nữ, cũng như giữa nhóm Sơ lão và nhóm Trung và Đại lão, với mức ý nghĩa thống kê $p < 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Phân bố đặc điểm giới tính và nhóm tuổi của người cao tuổi trong mẫu khảo sát

Mẫu nghiên cứu gồm 141 NCT sống tại cộng đồng. Về giới tính, nữ giới chiếm 57,45% với 81 người, trong khi nam giới chiếm 42,55% với 60 người. Cơ cấu này cho thấy nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn trong mẫu khảo sát, phù hợp với xu hướng “nữ hóa người cao tuổi” trong bối cảnh già hóa dân số tại Việt Nam.

Về nhóm tuổi, nhóm Sơ lão (60–70 tuổi) chiếm đa số với 112 trường hợp, tương ứng 79,43%. Nhóm Trung và Đại lão (từ 71 tuổi trở lên) gồm 29 trường hợp, chiếm 20,57%. Đây là cơ sở để tiếp tục phân tích sự khác biệt về nhu cầu hỗ trợ CTXH giữa các nhóm tuổi.

3.2. Sự phân hóa nhu cầu hỗ trợ công tác xã hội/Tâm lý theo yếu tố giới tính

Để kiểm định sự khác biệt giới tính trong nhu cầu hỗ trợ CTXH và nâng đỡ tinh thần, nghiên cứu sử dụng kiểm định t-test độc lập. Điểm trung bình nhu cầu và kết quả so sánh giữa nam giới ($n = 60$) và nữ giới ($n = 81$) được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. So sánh nhu cầu hỗ trợ CTXH và nâng đỡ tâm lý theo giới tính

Chỉ báo đo lường nhu cầu	Nam giới (n=60) cMean ± SD	Nữ giới (n=81) Mean ± SD	t	p
1. Tham gia các hoạt động giải trí, giao lưu tinh thần phù hợp sở thích	4,51 ± 0,81	4,72 ± 0,61	-1,752	0,082
2. Có người chia sẻ, lắng nghe tâm tư, giải bày tình cảm gia đình	4,48 ± 0,87	4,72 ± 0,65	-1,884	0,061
3. Được tham vấn, hỗ trợ tâm lý khi cô đơn, lo âu, căng thẳng	4,38 ± 0,98	4,71 ± 0,77	-2,221	0,028
Điểm nhu cầu trung bình chung toàn nhóm	4,46 ± 0,88	4,72 ± 0,65	-2,015	0,046

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu nghiên cứu, 2026)

Kết quả Bảng 1 chỉ ra sự phân hóa mang tính ý nghĩa thống kê về nhu cầu hỗ trợ tâm lý - an sinh giữa nam và nữ NCT với $t = -2,015$; $p = 0,046$ ($< 0,05$). Nhìn tổng thể, NCT là nữ giới có nhu cầu nhận được sự nâng đỡ tinh thần và can thiệp xã hội (Mean = 4,72; SD = 0,65) cao hơn rõ rệt so với nam giới (Mean = 4,46; SD = 0,88).

Đi sâu vào từng chỉ báo thành phần, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê thể hiện đậm nét nhất ở chỉ báo Được tham vấn, hỗ trợ tâm lý khi cô đơn, lo âu, căng thẳng ($t = -2,221$; $p = 0,028 < 0,05$). Nữ giới thể hiện khao khát vượt trội trong việc tìm kiếm sự trợ giúp chuyên môn khi đối mặt với các khủng hoảng tâm lý (Mean = 4,71) so với nam giới (Mean = 4,38).

Sự phân hóa theo giới tính này có thể được lý giải qua hai góc độ cốt lõi của ngành CTXH:

(1) Sự tổn thương về vị thế an sinh: Phụ nữ cao tuổi tại Việt Nam thường chịu định kiến về phân công lao động gia đình truyền thống, phần lớn công việc của họ trước đây nằm ở khu vực phi chính thức hoặc làm nội trợ, khiến họ chịu tỷ lệ không có lương hưu cao hơn nam giới. Sự suy giảm tự

chủ tài chính kết hợp với tỷ lệ góa phụ cao hơn làm gia tăng nỗi lo âu về sự phụ thuộc, khiến họ dễ tổn thương và bộc lộ nhu cầu trợ giúp mạnh mẽ hơn.

(2) Cơ chế bộc lộ cảm xúc và định tính vai trò giới: Nam giới do ảnh hưởng của vai trò “trụ cột” truyền thống thường có xu hướng đè nén cảm xúc, e ngại việc thừa nhận sự yếu đuối hay tìm kiếm sự trợ giúp từ bên ngoài. Ngược lại, nữ giới dễ dàng cởi mở hơn trong việc bày tỏ nhu cầu được kết nối, lắng nghe và nâng đỡ tinh thần từ các nhân viên CTXH và mạng lưới an sinh tại cộng đồng.

3.3. Sự phân hóa nhu cầu hỗ trợ công tác xã hội/Tâm lý theo các nhóm tuổi

Bên cạnh yếu tố giới tính, tuổi tác là biến số nhân khẩu học quan trọng phản ánh sự suy giảm tiến triển về sức khỏe thể chất và sự biến động trong cấu trúc vai trò xã hội. Để kiểm định sự khác biệt về nhu cầu trợ giúp CTXH giữa các giai đoạn lão hóa, nghiên cứu thực hiện kiểm định t-test độc lập so sánh giữa phân nhóm Sơ lão (60 - 70 tuổi, $n = 112$) và Phân nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi, $n = 29$). Kết quả so sánh được thể hiện chi tiết tại Bảng 2.

Bảng 2: So sánh nhu cầu hỗ trợ CTXH và nâng đỡ tâm lý theo nhóm tuổi

Chỉ báo đo lường nhu cầu	Sơ lão (60–70 tuổi) (n=112) Mean ± SD	Trung & Đại lão (≥ 71 tuổi) (n=29) Mean ± SD	t	p
1. Tham gia các hoạt động giải trí, giao lưu tinh thần phù hợp sở thích	4,68 ± 0,65	4,41 ± 0,86	1,824	0,070
2. Có người chia sẻ, lắng nghe tâm tư, giải bày tình cảm gia đình	4,58 ± 0,78	4,79 ± 0,56	-1,372	0,172
3. Được tham vấn, hỗ trợ tâm lý khi cô đơn, lo âu, căng thẳng	4,50 ± 0,91	4,86 ± 0,44	-2,084	0,039
Điểm nhu cầu trung bình chung toàn nhóm	4,58 ± 0,81	4,73 ± 0,62	-0,973	0,332

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu nghiên cứu, 2026)

Kết quả phân tích tại Bảng 2 cho thấy điểm nhu cầu hỗ trợ tâm lý - an sinh tổng thể ở cả hai nhóm tuổi đều ở mức rất cao (Sơ lão: Mean = 4,58; Trung và Đại lão: Mean = 4,73). Mặc dù sự khác biệt về điểm trung bình chung giữa hai nhóm tuổi chưa đạt mức ý nghĩa thống kê trên toàn mẫu ($t = -0,973$; $p = 0,332 > 0,05$), sự phân hóa mang tính quy luật sinh - tâm lý lại xuất hiện vô cùng rõ nét khi đi sâu vào từng chỉ báo nhu cầu cụ thể:

Xu hướng khao khát kết nối xã hội ở nhóm Sơ lão (60-70 tuổi): Nhóm Sơ lão ghi nhận điểm số cao hơn ở nhu cầu “Tham gia các hoạt động giải trí, giao lưu tình thân” (Mean = 4,68 so với 4,41 ở nhóm Trung/Đại lão). Ở độ tuổi mới bước vào giai đoạn tuổi già, họ vừa rời khỏi thị trường lao động chính thức, thể lực còn tương đối tốt nên khao khát tái lập các tương tác xã hội, tìm kiếm không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng để lấp lấp khoảng trống “mất vai trò” nghề nghiệp.

Sự gia tăng nhu cầu can thiệp tâm lý chuyên sâu ở nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi): Ngược lại, đối với chỉ báo Được tham vấn, hỗ trợ tâm lý khi cô đơn, lo âu, căng thẳng, kiểm định t-test ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê rõ rệt ($t = -2,084$; $p = 0,039 < 0,05$). Nhóm người cao tuổi từ 71 tuổi trở lên có mức độ mong muốn được can thiệp tâm lý chuyên sâu (Mean = 4,86 $\pm$ 0,44) cao vượt trội so với nhóm sơ lão (Mean = 4,50 $\pm$ 0,91).

Sự phân hóa này hoàn toàn phù hợp với thuyết phát triển vòng đời trong CTXH với NCT. Khi độ tuổi càng cao, NCT phải đối mặt với sự suy kiệt nghiêm trọng về sức khỏe thể chất (đa bệnh mạn tính), sự mất mát bạn đời/bạn bè đồng lứa và nguy cơ thu hẹp biên độ sinh hoạt không gian hộ gia đình. Sự suy giảm khả năng đi lại khiến họ gặp rào cản khi tham gia các hoạt động phong trào bề nổi, từ đó dồn nén nỗi sợ hãi về cái chết, sự cô độc và phụ thuộc hoàn toàn vào sự chăm sóc của người khác. Điều này giải thích vì sao nhóm Trung và Đại lão chuyển dịch mạnh mẽ từ nhu cầu giải trí phong trào sang nhu cầu hỗ trợ tâm lý chuyên sâu, đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của nhân viên CTXH thông qua các kỹ thuật tham vấn cá nhân và quản lý ca tại hộ gia đình.

IV. HÀM Ý GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CTXH CHO NGƯỜI CAO TUỔI TẠI CỘNG ĐỒNG

Từ các phát hiện về sự khác biệt trong nhu cầu trợ giúp, bài viết đề xuất ba nhóm giải pháp trọng tâm nhằm phát triển dịch vụ CTXH với NCT theo hướng linh hoạt và nhạy cảm tại cộng đồng:

(1) Thiết kế dịch vụ CTXH nhạy cảm giới: Cần xây dựng các chương trình hỗ trợ tâm lý – an sinh phù hợp với đặc điểm của nữ NCT, chú trọng nhóm tự trợ, nhóm chia sẻ và tham vấn nhạy cảm giới. Đối với nam NCT, nên phát triển các hình thức hỗ trợ gián tiếp thông qua câu lạc bộ, hoạt động thể thao hoặc sinh hoạt cộng đồng nhằm tạo điều kiện tiếp cận hỗ trợ tâm lý phù hợp hơn.

(2) Phân tầng dịch vụ CTXH theo độ tuổi và giai đoạn lão hóa: Với nhóm Sơ lão (60–70 tuổi), định hướng can thiệp tập trung vào CTXH phát huy, tăng cường các mô hình giao lưu, sinh hoạt văn hóa, thể thao và kết nối cộng đồng. Với nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi), cần chú trọng CTXH bảo vệ và hỗ trợ chuyên sâu thông qua các hình thức CTXH lưu động, quản lý ca tại hộ gia đình, tham vấn tâm lý và kết nối dịch vụ y tế, bảo trợ xã hội.

(3) Chuyên môn hóa đội ngũ nhân viên CTXH với NCT và tăng cường sự tham gia của gia đình: Cần phát triển đội ngũ nhân viên CTXH chuyên trách tại cộng đồng, được đào tạo về tâm lý NCT, đánh giá đa chiều và can thiệp khủng hoảng. Đồng thời, nhân viên CTXH cần tăng cường hướng dẫn gia đình về chăm sóc tâm lý và hỗ trợ NCT, qua đó củng cố vai trò của gia đình trong mạng lưới an sinh cộng đồng.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã cung cấp những bằng chứng thực chứng quan trọng về sự phân hóa nhu cầu tiếp cận dịch vụ CTXH và hỗ trợ tâm lý của NCT sống tại cộng đồng dựa trên hai biến số nhân khẩu học cốt lõi là giới tính và nhóm tuổi. Thứ nhất, nữ NCT có nhu cầu hỗ trợ tâm lý – an sinh cao hơn nam giới, đặc biệt ở nhu cầu được tham vấn khi cô đơn, lo âu và căng thẳng. Kết quả này cho thấy vai trò của các yếu tố về vị thế an sinh và chuẩn mực giới trong việc hình thành nhu cầu trợ giúp của phụ nữ cao tuổi. Thứ hai, nhu cầu hỗ trợ cũng

có sự khác biệt giữa các nhóm tuổi. Nhóm Sơ lão (60–70 tuổi) có xu hướng ưu tiên các hoạt động giao lưu, giải trí và duy trì kết nối xã hội, trong khi nhóm Trung và Đại lão (≥ 71 tuổi) thể hiện nhu cầu cao hơn đối với tham vấn và hỗ trợ tâm lý chuyên sâu.

Những kết quả này cho thấy NCT không phải là một nhóm có nhu cầu đồng nhất. Vì vậy, việc hoạch định chính sách và thiết kế dịch vụ CTXH tại cộng đồng cần chú ý đến sự khác biệt về giới tính và nhóm tuổi nhằm nâng cao tính phù hợp và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế, & Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc. (2019). Báo cáo chung tổng quan ngành y tế Việt Nam: Hướng tới mục tiêu già hóa khỏe mạnh. Nhà xuất bản Y học.
- Elder, G. H., Jr. (1998). The life course as developmental theory. *Child Development*, 69(1), 1–12. <https://doi.org/10.1111/j.1467-8624.1998.tb06128.x>
- Erikson, E. H. (1993). *Childhood and society*. W. W. Norton & Company.
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2012). Điều tra quốc gia về người cao tuổi Việt Nam VNAS năm 2011: Các kết quả chủ yếu. Nhà xuất bản Phụ nữ.
- Nguyễn Thị Liên. (2023). Dịch vụ trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi tại các cơ sở chăm sóc trên địa bàn thành phố Hà Nội [Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội].
- Oakley, A. (2016). *Sex, gender and society*. Routledge.
- Tổng cục Thống kê. (2021). Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thanh Niên.
- West, C., & Zimmerman, D. H. (1987). Doing gender. *Gender & Society*, 1(2), 125–151. <https://doi.org/10.1177/0891243287001002002>